

**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
TỪNG HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I. Thu nội địa	Bao gồm										
				1. Thu từ doanh nghiệp Nhà nước ĐP	2. Thu từ công thương nghiệp ngoài quốc doanh	3. Thu lệ phí trước bạ	4. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5. Thu thuế thu nhập cá nhân	6. Thuế bảo vệ môi trường	7. Thu phí, lệ phí	8. Tiền sử dụng đất	9. Thu tiền thuê đất	10. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	11. Thu khác ngân sách
A	B	1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG SỐ		5,935,000	5,935,000	24,000	1,054,000	650,000	8,000	598,100	9,000	81,900	2,900,000	451,800	54,400	103,800
1	Thành phố Đồng Xoài	740,000	740,000	5,000	200,000	153,300	4,500	160,500	8,000	14,200	150,000	22,000	7,500	15,000
2	Thị xã Bình Long	1,137,000	1,137,000	2,000	155,000	37,000	300	30,000	-	13,700	770,000	120,000	-	9,000
3	Thị xã Phước Long	687,000	687,000	1,100	85,000	46,000	400	36,000	-	8,100	350,000	150,000	400	10,000
4	Huyện Đồng Phú	460,000	460,000	6,000	75,000	78,500	500	88,000	1,000	8,000	160,000	27,000	8,000	8,000
5	Huyện Lộc Ninh	500,000	500,000	1,000	110,000	50,000	300	36,200	-	7,000	225,000	37,000	23,000	10,500
6	Huyện Bù Đốp	548,000	548,000	600	101,000	28,000	100	21,000	-	2,500	360,000	30,000	200	4,600
7	Huyện Bù Đăng	283,000	283,000	500	50,000	47,200	-	58,000	-	5,300	100,000	13,000	-	9,000
8	Huyện Chơn Thành	688,000	688,000	2,700	136,000	90,000	1,100	58,100	-	8,600	361,000	8,800	1,600	20,100
9	Huyện Hớn Quản	371,000	371,000	2,500	50,000	43,000	700	31,300	-	5,500	195,000	24,000	13,000	6,000
10	Huyện Bù Gia Mập	271,000	271,000	800	67,000	30,000	-	38,000	-	3,500	120,000	5,000	700	6,000
11	Huyện Phú Riềng	250,000	250,000	1,800	25,000	47,000	100	41,000	-	5,500	109,000	15,000	-	5,600